



**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TDTT ĐÀ NẴNG**

SỔ TAY SINH VIÊN NĂM 2025



<https://dsu.edu.vn/2025>

LỜI NÓI ĐẦU

Chào mừng các bạn tân sinh viên đã chính thức trở thành một phần của đại gia đình DSU!

Bước vào cánh cửa đại học, các bạn đang mở ra một hành trình mới với những cơ hội, thử thách và trải nghiệm đáng nhớ. Sổ tay sinh viên này được Phòng Công tác Sinh viên biên soạn nhằm giúp các bạn nắm rõ quyền lợi, nghĩa vụ, các quy định quan trọng và những thông tin cần thiết để hòa nhập nhanh chóng với môi trường học tập và rèn luyện tại trường.

Chúng tôi tin rằng với tinh thần chủ động, trách nhiệm và khát vọng khám phá, mỗi bạn sẽ tìm thấy cho mình con đường phát triển phù hợp và đạt được nhiều thành công.

Phòng Công tác Sinh viên và các phòng chức năng luôn đồng hành, hỗ trợ và lắng nghe mọi nhu cầu của các bạn trong suốt quá trình học tập.

Chúc các bạn có một quãng đời sinh viên thật ý nghĩa, nhiệt huyết và tràn đầy cảm hứng!

PHÒNG CÔNG TÁC HỌC SINH, SINH VIÊN

MỘT SỐ VĂN BẢN THIẾT YẾU & TRÍCH LỤC QUY CHẾ SINH VIÊN

01

Thông tư 10/2016/tt-BGDĐT ngày 5/4/2016 của Bộ Trưởng Bộ giáo dục đào tạo ban hành quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo

02

Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23/3/2022 của thủ tướng chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của quyết định số 157/2007/QĐ - TTG ngày 27 tháng 9 năm 2007 của thủ tướng chính phủ về tác dụng đối với học sinh sinh viên

03

Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

04

Quy định Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Đại học chính quy Trường Đại học TĐTTĐN (ban hành kèm theo Quyết định số 1191/QĐ-TĐTTĐN ngày 31/12/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHTĐTTĐN

05

Quyết định số 1021/QĐ-TĐTTĐN ngày 21/2/2017 của Hiệu Trưởng Trường ĐHTĐTTĐN Đà Nẵng ban hành quy tắc ứng xử văn hóa học đường của sinh viên Trường Đại học TĐTTĐN Đà Nẵng

06

Quy định đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng. Ban hành kèm quyết định 1375/QĐ - TĐTTĐN ngày 30/9/2025

07

Quy định khen thưởng, kỷ luật của sinh viên - Ban hành kèm theo quyết định số 1195/QĐ-TĐTTĐN ngày 31/12/2021 của Hiệu Trưởng Trường Đại học TĐTTĐN Đà Nẵng



Toàn văn các quy định, quy chế trên được đăng tải tại website:
[http://stu.edu.vn/Phòng Công tác Sinh viên/quy định & biểu mẫu.html](http://stu.edu.vn/Phòng_Công_tác_Sinh_viên/quy_định_&_biểu_mẫu.html)

SỨ MẠNG

Giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học vì sức khỏe thể chất cộng đồng và phát triển tài năng thể thao cho đất nước.

TÂM NHÌN

Trung tâm đào tạo nguồn nhân lực TDTT chất lượng cao của Việt Nam đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế.



Giá Trị Cốt Lõi

Gắn kết - Sáng Tạo - Chất Lượng

Triết lý giáo dục

Nhân văn - Khai phóng - Hội nhập

Văn hóa chất lượng

Chuyên nghiệp - Trách nhiệm - Trung thực

NHIỆM VỤ CỦA SINH VIÊN

1

Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ trường đại học và các quy chế, nội quy của cơ sở giáo dục đại học.

2

Học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục, đào tạo của cơ sở giáo dục đại học; chủ động, tích cực tự học, nghiên cứu, sáng tạo và rèn luyện đạo đức, lối sống.

3

Tôn trọng nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên của cơ sở giáo dục đại học; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình học tập và rèn luyện; thực hiện tốt nếp sống văn hóa trong trường học.

4

Giữ gìn và bảo vệ tài sản; hành động góp phần bảo vệ, xây dựng và phát huy truyền thống của cơ sở giáo dục đại học.

5

Thực hiện đầy đủ quy định về việc khám sức khỏe đầu khóa và khám sức khỏe định kỳ trong thời gian học tập theo quy định của cơ sở giáo dục đại học

6

Đóng học phí, bảo hiểm y tế đầy đủ, đúng thời hạn.

7

Tham gia lao động công ích, hoạt động tình nguyện, hoạt động xã hội vì cộng đồng phù hợp với năng lực và sức khỏe theo yêu cầu của cơ sở giáo dục đại học.

8

Chấp hành nghĩa vụ làm việc có thời hạn theo sự điều động của Nhà nước khi được hưởng học bổng, chi phí đào tạo do Nhà nước cấp hoặc do nước ngoài tài trợ theo Hiệp định ký kết với Nhà nước, nếu không chấp hành phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo theo quy định của Chính phủ.

9

Tham gia phòng, chống tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử và các hoạt động khác của sinh viên; kịp thời báo cáo với khoa, phòng chức năng, Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học hoặc các cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện những hành vi tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử hoặc những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy, quy chế khác của sinh viên, cán bộ, nhà giáo trong cơ sở giáo dục đại học.

10

Tham gia công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong trường học, gia đình và cộng đồng

11

Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của pháp luật và của cơ sở giáo dục đại học.

QUYỀN CỦA SINH VIÊN

01

Được nhận vào học đúng ngành, nghề đã đăng ký dự tuyển nếu đủ các điều kiện trúng tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường.

02

Được tôn trọng và đối xử bình đẳng; được cung cấp các thông tin cá nhân về việc học tập, rèn luyện theo quy định của Nhà trường; được phổ biến nội quy, quy chế về đào tạo, rèn luyện và các chế độ, chính sách của Nhà nước có liên quan đến sinh viên.

03

Được tạo điều kiện trong học tập, nghiên cứu khoa học và rèn luyện, bao gồm:

- Sử dụng hệ thống thư viện, các trang thiết bị và phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao;

- Tham gia nghiên cứu khoa học, thi sinh viên giỏi, thi Olympic các môn học, thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật; - Chăm lo, bảo vệ sức khỏe theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Đăng ký dự tuyển đi học, tham gia các hoạt động giao lưu, trao đổi sinh viên ở nước ngoài; học chuyển tiếp ở các trình độ đào tạo cao hơn theo quy định hiện hành;

- Nghỉ học tạm thời, tạm ngừng học, học theo tiến độ chậm, tiến độ nhanh, học cùng lúc hai chương trình, chuyển trường theo quy định của quy chế về đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; được nghỉ hè, nghỉ tết, nghỉ lễ theo quy định.

- Tham gia hoạt động trong tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (Đoàn TNCS Hồ Chí Minh), Hội Sinh viên Việt Nam; tham gia các tổ chức tự quản của sinh viên, các hoạt động xã hội có liên quan ở trong và ngoài trường học theo quy định của pháp luật; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao lành mạnh, phù hợp với mục tiêu đào tạo của Nhà trường;

- Sử dụng các dịch vụ công tác xã hội hiện có của Nhà trường (bao gồm các dịch vụ về hướng nghiệp, tư vấn việc làm, tư vấn sức khỏe, tâm lý, hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt, ...)

04

Được hưởng các chế độ, chính sách, được xét nhận học bổng khuyến khích học tập, học bổng do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ theo quy định hiện hành; được miễn giảm phí khi sử dụng các dịch vụ công cộng về giao thông, giải trí, tham quan bảo tàng, di tích lịch sử, công trình văn hóa theo quy định của Nhà nước.

05

Được góp ý kiến, tham gia quản lý và giám sát hoạt động giáo dục và các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp của mình kiến nghị các giải pháp góp phần xây dựng và phát triển Nhà trường; đề đạt nguyện vọng và khiếu nại lên Hiệu trưởng Nhà trường giải quyết các vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích chính đáng của sinh viên.

06

Được xét tiếp nhận vào ký túc xá và ưu tiên khi sắp xếp vào ở ký túc xá theo quy định.

07

Sinh viên đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp được cấp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ, bảng điểm học tập và rèn luyện, các giấy tờ có liên quan khác và giải quyết các thủ tục hành chính khác.

NHỮNG ĐIỀU SINH VIÊN KHÔNG ĐƯỢC LÀM



1. Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, nhân viên, người học của cơ sở giáo dục đại học và người khác.

2. Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi cử như: quay cốp, mang tài liệu vào phòng thi, xin điểm; học, thi, thực tập, trực hộ người khác hoặc nhờ người khác học, thi, thực tập, trực hộ; sao chép, nhờ hoặc làm hộ tiểu luận, đồ án, khóa luận tốt nghiệp; tổ chức hoặc tham gia tổ chức thi hộ hoặc các hành vi gian lận khác.

3. Hút thuốc, uống rượu, bia trong trường học; say rượu, bia khi đến lớp học.

4. Tổ chức hoặc tham gia tụ tập đông người, biểu tình, khiếu kiện trái pháp luật; tham gia tệ nạn xã hội, gây rối an ninh, trật tự an toàn trong cơ sở giáo dục đại học hoặc ngoài xã hội.

5. Tổ chức hoặc tham gia đua xe, cổ vũ đua xe trái phép.

6. Tổ chức hoặc tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức.

7. Sản xuất, buôn bán, vận chuyển, phát tán, tàng trữ, sử dụng hoặc lôi kéo người khác sử dụng vũ khí, chất nổ, các chất ma túy, các loại dược phẩm, hóa chất cấm sử dụng; các tài liệu, ấn phẩm, thông tin phản động, đồi trụy và các tài liệu cấm khác theo quy định của Nhà nước; tổ chức, tham gia, truyền bá các hoạt động mê tín dị đoan, các hoạt động tôn giáo trong cơ sở giáo dục đại học và các hành vi vi phạm đạo đức khác.

8. Thành lập, tham gia các hoạt động mang tính chất chính trị trái pháp luật; tổ chức, tham gia các hoạt động tập thể mang danh nghĩa cơ sở giáo dục đại học khi chưa được Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học cho phép.

9. Đăng tải, bình luận, chia sẻ bài viết, hình ảnh có nội dung dung tục, bạo lực, đồi trụy, xâm phạm an ninh quốc gia, chống phá Đảng và Nhà nước, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân trên mạng Internet.

10. Tổ chức hoặc tham gia các hoạt động vi phạm pháp luật khác.

TỔ CHỨC TUẦN SINH HOẠT CÔNG DÂN

1. Mục đích việc tổ chức Tuần SHCDSV nhằm:

- Nâng cao nhận thức của sinh viên về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;
- Giúp sinh viên hiểu rõ quyền lợi, nghĩa vụ, ý thức trách nhiệm của sinh viên;
- Việc tổ chức Tuần SHCD-SV phải được tiến hành nghiêm túc, đạt hiệu quả giáo dục cao và có đánh giá kết quả cuối đợt học tập.

2. Nội dung của Tuần SHCD-SV:

- Theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và ĐH TDTT ĐN;
- Tùy vào mỗi năm học, Trường sẽ lựa chọn nội dung phù hợp để đưa vào Tuần SHCD-SV.

3. Quy định khi tham gia học Tuần SHCD-SV:

- Đối với sinh viên năm nhất: nếu vắng mặt quá 2 buổi học sẽ không được làm bài thu hoạch;
- Đối với sinh viên năm hai, năm ba, năm tư: không được vắng, nếu vắng sẽ không được làm bài thu hoạch.
- Sinh viên không hoàn thành sẽ phải học lại, bị trừ điểm rèn luyện và đóng lệ phí theo quy định.
- Đây là chương trình mang tính bắt buộc, sinh viên không tham gia sẽ bị xử lý kỷ luật. Kết quả hoàn thành Tuần SHCD-SV là một trong các tiêu chí để đánh giá kết quả rèn luyện và xét danh hiệu thi đua cho sinh viên trong từng năm học.

CÁC HÌNH THỨC XỬ LÝ SV VI PHẠM TUẦN SHCD

1. Sinh viên không tham gia Tuần SHCD đầu khóa bị trừ 25 điểm rèn luyện ở nội dung ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế;
2. Sinh viên không tham gia Tuần SHCD lần 01, ngoài việc bị trừ điểm rèn luyện, sinh viên phải đóng tiền học lại lần 02 để hoàn thành nội dung theo quy định để chi trả kinh phí tổ chức lớp học;
3. Sinh viên phải hoàn thành việc học tập Tuần SHCD trước khi tốt nghiệp. Nếu SV thiếu kết quả của một trong bốn đợt học tập sẽ tạm thời không nhận được bằng tốt nghiệp đến khi bổ sung đầy đủ kết quả học tập

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ ĐIỂM RÈN LUYỆN

TRÁCH NHIỆM

CVHT

SINH VIÊN

CỔ VẤN HỌC TẬP/
TẬP THỂ LỚP
SINH VIÊN

HỘI ĐỒNG
CẤP KHOA

TRƯỞNG KHOA

PHÒNG CÔNG TÁC
HSSV

HỘI ĐỒNG
CẤP KHOA

HIỆU TRƯỞNG

QUY TRÌNH

Thông báo đánh giá Kết quả rèn luyện sinh viên

Tự đánh giá KQRL theo mẫu

Tổ chức họp lớp xem xét, thông qua kết quả tự đánh giá của từng sinh viên

Tiếp nhận kết quả từ lớp; Hội đồng xem xét, công bố kết quả và xử lý khiếu nại KQRL của sinh viên khoa

Thông qua KQRL và gửi kết quả về P. CTHSSV

Tiếp nhận kết quả từ các Khoa
Bổ sung, tổng hợp trình Hội đồng cấp Trường

Họp Hội đồng xem xét, xử lý, thông qua KQRL

Ra quyết định công nhận Kết quả rèn luyện (KQRL)

7 ngày

20 ngày

không
đồng ý

không
đồng ý



CÔNG TÁC KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT SINH VIÊN

► NỘI DUNG, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

1. Trường sẽ xem xét khen thưởng cho sinh viên đạt được các thành tích sau:
 - a) Đạt giải trong các cuộc thi học thuật, có công trình nghiên cứu khoa học có giá trị;
 - b) Đóng góp có hiệu quả trong công tác Đảng – Đoàn thể, hoạt động của Trường, hoạt động sinh viên xung kích, tình nguyện, giữ gìn an ninh trật tự; hoạt động xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao;
 - c) Có thành tích trong việc thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, bảo đảm an ninh, trật tự trường học, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, dũng cảm cứu người bị nạn, dũng cảm bắt kẻ gian, chống tiêu cực, tham nhũng;
 - d) Các thành tích đặc biệt khác. (Phụ lục đính kèm Quy chế CTSV)
2. Nội dung, mức khen thưởng thường xuyên do Hiệu trưởng quy định.
3. Thi đua, khen thưởng định kỳ đối với cá nhân được tiến hành vào cuối năm học, khóa học theo quy định khen thưởng của nhà trường.

► CÁC HÌNH THỨC KỶ LUẬT SINH VIÊN

MỘT SỐ NỘI DUNG VI PHẠM VÀ KHUNG XỬ LÝ KỶ LUẬT SINH VIÊN
 (Kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Nội dung vi phạm	Số lần vi phạm và hình thức xử lý				Ghi chú
		(Số lần tính trong cả khóa học)				
		Khiển trách	Cảnh cáo	Đình chỉ có thời hạn	Buộc thôi học	
1	2	3	4	5	6	7
1.	Đến muộn giờ học, giờ thực tập; nghỉ học không phép hoặc quá phép					Nhà trường quy định cụ thể
2.	Mất trật tự, làm việc riêng trong giờ học, giờ thực tập và tự học					Nhà trường quy định cụ thể
3.	Vô lễ với thầy, cô giáo và CBVC nhà trường					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học
4.	Học thay hoặc nhờ người khác học thay					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học
5.	Thí, kiểm tra thay, hoặc nhờ thí, kiểm tra thay; làm thay, nhờ làm hoặc sao chép tiểu luận, đồ án, khóa luận tốt nghiệp			Lần 1	Lần 2	
6.	Tổ chức học, thí, kiểm tra thay; tổ chức làm thay tiểu luận, đồ án, khóa luận tốt nghiệp				Lần 1	Tùy theo mức độ có thể giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
7.	Mang tài liệu vào phòng thi, đưa đề thi ra ngoài nhờ làm thay, ném tài liệu vào phòng thi, vẽ bậy vào bài thi; bỏ thi không có lý do chính đáng và các hình thức gian lận khác trong học tập, thi, kiểm tra					Xử lý theo quy chế đào tạo
8.	Cố tình chậm nộp hoặc không nộp học phí, bảo hiểm y tế theo quy định của nhà trường mà không có lý do chính đáng					Tùy theo mức độ, xử lý từ nhắc nhở, khiển trách đến buộc thôi học

9.	Làm hư hỏng tài sản trong KTX và các tài sản khác của trường					Tùy mức độ xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học và phải bồi thường thiệt hại
10.	Uống rượu, bia trong giờ học; say rượu, bia khi đến lớp.	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	
11.	Hút thuốc lá trong giờ học, phòng họp, phòng thí nghiệm và nơi cấm hút thuốc theo quy định					Từ lần 3 trở lên, xử lý từ khiển trách đến cảnh cáo
12.	Đánh bạc dưới mọi hình thức	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Tùy mức độ có thể giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định pháp luật
13.	Tàng trữ, lưu hành, truy cập, sử dụng sản phẩm văn hóa đồi trụy hoặc tham gia các hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động tôn giáo trái phép	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Nếu nghiêm trọng giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
14.	Buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, lôi kéo người khác sử dụng ma túy				Lần 1	Giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
15.	Sử dụng ma túy					Xử lý theo quy định về xử lý sinh viên liên quan đến ma túy.
16.	Chứa chấp, môi giới mại dâm				Lần 1	Giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
17.	Hoạt động mại dâm	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	
18.	Lấy cắp tài sản, chứa chấp, tiêu thụ tài sản do lấy cắp mà có					Tùy theo mức độ xử lý từ cảnh cáo đến buộc thôi học. Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
19.	Chứa chấp, buôn bán vũ khí, chất nổ và hàng cấm theo quy định của Nhà nước.				Lần 1	Giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
20.	Đưa phần tử xấu vào trong trường, KTX gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự trong nhà trường.					Tùy theo mức độ xử lý từ cảnh cáo đến buộc thôi học
21.	Đánh nhau, tổ chức hoặc tham gia tổ chức đánh nhau		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
22.	Kích động, lôi kéo người khác biểu tình, viết truyền đơn, áp phích trái pháp luật			Lần 1	Lần 2	Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
23.	Tham gia biểu tình, tụ tập đông người, khiếu kiện trái quy định của pháp luật	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
24.	Đăng tải, bình luận, chia sẻ bài viết, hình ảnh có nội dung dung tục, bạo lực, đồi trụy, xâm phạm an ninh quốc gia, chống phá Đảng và Nhà nước, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân trên mạng Internet.					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học. Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
25.	Có hành động quấy rối, dâm ô, xâm phạm nhân phẩm, đời tư của người khác					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học. Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật.
26.	Vi phạm các quy định về an toàn giao thông					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học
27.	Các vi phạm khác					Tùy theo mức độ, nhà trường xem xét, nhắc nhở, phê bình, trừ điểm rèn luyện hoặc xử lý kỷ luật từ khiển trách đến buộc thôi học.

CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH SINH VIÊN

MIỄN GIẢM HỌC PHÍ

01

Miễn 100% học phí

- Các đối tượng theo quy định tại pháp lệnh ưu đãi Người có công cách mạng
- SV mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa, không quá 22 tuổi
- là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông, bà (trong trường hợp ở với ông, bà) thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo
- Sinh viên thuộc dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn

02

Giảm 70% học phí

SV là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/ bản vùng đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền

03

Giảm 50% học phí

SV là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên

HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Nhà nước

TRỢ CẤP XÃ HỘI

- SV mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa
- SV là người dân tộc ít người thường trú trên 3 năm tại vùng cao
- SV thuộc hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập (Hộ nghèo do sở LĐTBXH cấp)



VAY VỐN SINH VIÊN

ĐỐI TƯỢNG

- SV mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động.
- SV hộ nghèo theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật.



ĐIỀU KIỆN VAY

- SV phải có xác nhận của Nhà trường về việc đang theo học tại trường và không bị xử phạt hành chính trở lên về các hành vi: Cờ bạc, nghiện hút, trộm cắp, buôn lậu.
- Không có lịch sử dư nợ xấu từ các tổ chức
 - từ 20 tuổi trở lên là công dân Việt Nam
 - Giấy đề nghị vay vốn có chứng thực của UBND nơi sinh viên cư trú
 - Sinh viên sống trong hộ gia đình cư trú hợp pháp tại nơi cho vay
 - Sinh viên năm nhất vừa được nhận vào 1 trường Đại học phải có giấy chấp nhận của Trường
 - Sinh viên năm 2 trở lên phải có xác nhận của nhà trường đang theo học tại Trường và chưa bị xử phạt hành chính đối với các hành vi đánh bạc, ma túy, trộm cắp, buôn lậu...



LÃI SUẤT VAY

- Lãi suất cho vay đối với sinh viên là từ 0.6 - 0,65%/tháng
- Đối tượng được vay vốn phải trả nợ gốc và lãi vay lần đầu tiên ngay sau khi HSSV có việc làm, có thu nhập nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày HSSV kết thúc khóa học.
- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay.



QUY CHẾ HỌC VỤ

- ✓ Quy chế đào tạo
- ✓ Quy trình đăng ký tín chỉ
- ✓ Quy trình phúc khảo

+



1. Chương trình Đào tạo (CTĐT): Chương trình đào tạo (CTĐT) được xây dựng theo đơn vị tín chỉ (TC), cấu trúc từ các môn học hoặc học phần (sau đây gọi chung là học phần), trong đó phải có đủ các học phần bắt buộc và đáp ứng chuẩn CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT). Trong trường hợp đào tạo song ngành hoặc ngành chính - ngành phụ, CTĐT phải thể hiện rõ khối lượng học tập chung và riêng theo từng ngành.

CTĐT phải được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến CTĐT được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho SV.

2. Phương thức tổ chức đào tạo

a. Trường áp dụng phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ thống nhất các khóa và hình thức đào tạo.

b. Đào tạo theo TC:

a) Là phương thức tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép SV tích lũy TC của từng học phần và thực hiện CTĐT theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường;

b) SV không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong CTĐT, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

c) SV không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong CTĐT.

3. Học phần:

a) Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, được quy định cụ thể trong CTĐT để SV tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn mỗi học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Học phần có mã số riêng và số tín chỉ xác định được quy định trong CTĐT của từng ngành.

b) Hoạt động học tập và giảng dạy một học phần bao gồm một hay kết hợp một trong các hình thức sau:

- Giảng dạy lý thuyết;
- Giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thảo luận trên lớp;
- Giảng dạy thực hành;
- Hướng dẫn tham quan, thực tế, kiến tập, thực tập... trong và ngoài Trường;
- Hướng dẫn khoá luận tốt nghiệp, báo cáo chuyên đề, đồ án...
- Các hình thức theo đặc thù CTĐT của Trường

b) Mỗi học phần đều có đầy đủ đề cương chi tiết học phần (ĐCCTHP) được biên soạn theo quy định của Nhà trường. Nội dung ĐCCTHP được công khai trên website Trường và được GV thông báo đến SV trong buổi học đầu tiên của học phần

4. Các loại học phần:

Các loại học phần trong CTĐT bao gồm: Học phần bắt buộc, học phần tự chọn, học phần tương đương, học phần thay thế;

- a) Học phần bắt buộc: là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi CTĐT và bắt buộc SV phải tích lũy;
- c) Học phần tự chọn: là các học phần có kiến thức cần thiết những SV được tự chọn theo hướng dẫn của Trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.
- d) Học phần tương đương: là các học phần thuộc cùng khối nhóm/nhóm kiến thức và cùng số TC hoặc lớn hơn so với học phần trong CTĐT cùng ngành hoặc cùng nhóm ngành, cùng lĩnh vực tương ứng có thể thay thế nhau;
- e) Học phần thay thế: là học phần cho phép SV đăng ký học để lấy kết quả thay thế cho một hoặc một số học phần trước đây có trong CTĐT nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy nữa hoặc là một học phần tự chọn thay cho một học phần tự chọn khác mà SV đã thi không đạt kết quả (bị điểm F).

5. Tín chỉ

- a) Tín chỉ là đơn vị dùng để đo lường khối lượng kiến thức, kỹ năng và kết quả học tập đã được tích lũy trong một khoảng thời gian nhất định.
- b) Một (01) TC được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá.
- c) Đối với công tác thực tập cuối khóa, thực hiện khóa luận tốt nghiệp, các học phần có nội dung học tập thực tế, trải nghiệm..., một (01) TC = 50 giờ học tập định mức.
- d) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một TC được quy định như sau:
 - Các khóa tuyển sinh trước năm 2025: Một (01) TC bằng 15 giờ lý thuyết; 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận.
 - Các khóa tuyển sinh từ năm 2025: Một (01) TC được tính bằng 15 giờ giảng (kể cả HP thực hành); hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận.
- e) Một tiết học được tính bằng 50 phút. Bảng phân bố tiết dạy hàng ngày

5. Thời gian đào tạo, kế hoạch giảng dạy và học tập

5.1. Thời gian hoàn thành CTĐT:

Liên thông từ cao đẳng lên đại học 1,5 năm 03 năm

Đại học 4 năm 8 năm

5.2. Kế hoạch giảng dạy và học tập: Kế hoạch tổ chức đào tạo được thực hiện theo khoá học, năm học và học kỳ. Một năm học có 02 học kỳ chính thức và 01 học kỳ phụ:

- a) Học kỳ chính: Mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học, 03 tuần thi và xử lý kết quả, 01 tuần dự phòng;
- b) Học kỳ phụ: Có 6 – 8 tuần (bao gồm cả học, thi và xử lý kết quả);
- c) Trường hợp đặc biệt: Trong năm học, Nhà trường tổ chức thêm một số đợt học bổ sung để đáp ứng nhu cầu của SV; kế hoạch tổ chức đợt học bổ sung sẽ được thông báo trước khi bắt đầu học ít nhất 02 tuần.

Buổi học	Tiết học	Giờ học	Thời gian nghỉ
SÁNG	1	07h.00 – 07h.50	05 phút
	2	07h.55 – 08h.45	30 phút
	3	09h.15 - 10h.05	05 phút
	4	10h.10 - 11h.00	05 phút
CHIỀU	5	13h.00 – 13h.50	05 phút
	6	13h.55 – 14h.45	30 phút
	7	15h.15 – 16h.05	05 phút
	8	16h.10 – 17h.00	05 phút
TỐI	9	17h.30 – 18h.20	05 phút
	10	18h.25 – 19h.15	

6. Tổ chức đăng ký học tập

6.1. Ở học kỳ đầu tiên của khoá học, SV học theo thời khoá biểu do Trường định sẵn. Từ học kỳ thứ hai trở đi, mỗi SV phải tự xác định và đăng ký khối lượng học tập trong mỗi học kỳ phù hợp với điều kiện, năng lực của bản thân.

6.2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, từng SV với sự hướng dẫn của CVHT phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ, gồm: những học phần mới, một số học phần chưa đạt (để học lại) và một số học phần đã đạt (để cải thiện điểm, nếu có) căn cứ danh sách học phần được mở và điều kiện đăng ký của mỗi học phần.

6.3. Khối lượng học tập của SV trong mỗi học kỳ chính được quy định như sau:

- a) Khối lượng tối thiểu không ít hơn $2/3$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn
- b) Khối lượng tối đa không vượt quá $3/2$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn
- c) Đối với SV các lớp vận động viên.; khối lượng học tập tối thiểu trong một học kỳ là 08 TC.

6.4. Khối lượng học tập của SV trong học kỳ phụ tối đa không vượt quá 10 TC

6.5. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải đảm bảo điều kiện tiên quyết, học trước và song hành của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể và được thực hiện theo quy định của nhà trường

7. Bổ sung hoặc rút bớt các học phần sau khi đăng ký

7.1. Việc đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác khi không có lớp, chỉ được chấp thuận trong tuần học đầu tiên của học kỳ chính hoặc học kỳ hè.

7.2. Việc rút bớt học phần so với khối lượng đã đăng ký chỉ được chấp nhận trước khi biên chế lớp TC 01 tuần đối với học kỳ chính. SV không được phép rút học phần sau khi lớp học đủ điều kiện tối thiểu mở lớp. Ngoài thời hạn trên, các học phần vẫn được giữ nguyên như đã đăng ký. SV phải đóng học phí cho tất cả các học phần đó.

7.3. Việc xin bổ sung hoặc rút bớt khối lượng các học phần đã đăng ký ở đầu mỗi học kỳ được giải quyết trên cơ sở các điều kiện sau:

- a) SV phải tự viết đơn gửi Khoa quản lý SV tổng hợp và Khoa gửi tổng hợp phòng ĐTBĐCLGD
- b) Không vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều 8 của Quy định này. Chỉ sau khi giảng viên phụ trách nhận được thông báo của phòng ĐTBĐCLGD, SV mới được phép đến dự hoặc bỏ lớp đối với các học phần xin học thêm hoặc rút bớt.

7.4. Trường sẽ hủy các lớp học phần không đủ số lượng SV tối thiểu sau khi kết thúc thời gian đăng ký tín chỉ. SV ở các lớp học phần bị hủy liên hệ phòng ĐTBĐCLGD để chuyển sang các lớp học phần còn chỗ trống.

8. Học lại và học cải thiện điểm

* Học lại:

- a) SV không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong CTĐT, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;
- b) SV không đạt một học phần tự chọn, sẽ phải học lại học phần đó hoặc lựa chọn học phần tự chọn khác cùng nhóm để đảm bảo tích lũy đủ tín chỉ
- c) Điểm lần học cuối cùng là điểm chính thức của học phần.

* **Học cải thiện điểm:** SV đã có điểm học phần đạt được đăng ký học lại để cải thiện điểm (trừ học phần đã được điểm A theo thang điểm chữ). Điểm đánh giá học phần là điểm đánh giá cao nhất trong các lần học. Số TC các học phần học cải thiện bị điểm F sẽ không tính trong tổng số TC bị điểm F để hạ bậc tốt nghiệp.

- d) Thủ tục đăng ký học lại hoặc đăng ký học cải thiện điểm giống như đăng ký học phần lần đầu.

9. Tổ chức lớp học

9.1. Lớp sinh viên (Quản lý hành chính): được tổ chức bao gồm những SV cùng ngành và được duy trì ổn định trong suốt khóa học. Lớp SV để tổ chức, quản lý SV về thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện, các hoạt động đoàn thể, xã hội, phong trào thi đua, khen thưởng và kỷ luật.

9.2. Lớp chuyên ngành: Là lớp được tổ chức theo khoá tuyển sinh và phân theo chuyên ngành đào tạo; được duy trì ổn định từ đầu đến cuối khóa học; điều kiện để mở chuyên ngành tối thiểu là 10 SV

9.3. Lớp học phần (TC): bao gồm những SV đăng ký cùng học một học phần (có thể cùng hoặc khác ngành, cùng hoặc khác khoá) có cùng thời khóa biểu trong cùng một học kỳ.

Số lượng SV mở lớp cho mỗi học kỳ (trừ lớp học lại, học bổ sung và các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định);

Từ 25 trở lên SV/lớp đối với các học phần thực hành các môn thể thao;

Từ 50-80 SV/lớp đối với các học phần Ngoại ngữ, tin học;

Trên 80 SV/lớp đối với các học phần lý thuyết;

10. Lớp học lại, học ghép và học cải thiện điểm

a) Lớp học lại, học ghép:

- Lớp Học lại: chỉ tổ chức cho SV đã tham gia học nhưng có điểm học phần bị điểm F (không đạt) hoặc không đủ điều kiện dự thi phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác (đối với HP tự chọn).

- Học ghép dành cho SV chưa đăng ký tín chỉ học ở kỳ chính, được đăng ký học ghép với khóa sau hoặc học ghép với lớp học lại (khi lớp học lại đủ điều kiện mở lớp) và không tính vào số lượng tối thiểu mở lớp học lại.

- Lớp học riêng: là những lớp học phần được mở theo nguyện vọng của SV (học lại) với lý do đặc biệt, đảm bảo đúng quy chế đào tạo và được tổ chức tại học kỳ phụ, đợt học bổ sung.

b) Điều kiện mở lớp học lại, lớp học riêng: tối thiểu từ 05 SV trở lên đối với các học phần lý thuyết; 08 SV trở lên đối với các học phần thực hành (áp dụng từ khoá ĐH18 về trước) và 05 SV áp dụng cho SV từ khoá ĐH19 trở đi. Trong trường hợp không đủ số lượng theo quy định, nếu SV có nhu cầu học tập thì phải đóng học phí bằng lớp tối thiểu.

c) Đăng ký học cải thiện điểm: SV đã có điểm học phần đạt được đăng ký học lại để cải thiện điểm (trừ học phần đã được điểm A theo thang điểm chữ). Điểm đánh giá học phần là điểm đánh giá cao nhất trong các lần học. Số TC các học phần học cải thiện bị điểm F sẽ không tính trong tổng số TC bị điểm F để hạ bậc tốt nghiệp.

d) Thủ tục đăng ký học lại hoặc đăng ký học cải thiện điểm giống như đăng ký học phần lần đầu.

đ) Trong trường hợp SV được tiếp tục học tập trở lại, nếu học phần ở khung chương trình cũ không có trong khung chương trình mới thì SV đăng ký học phần tương đương/thay thế. Trong trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng xem xét quyết định.

11. Đánh giá học phần:

11.1. Kết quả học tập các học phần của SV được đánh giá bằng các điểm thành phần và điểm thi kết thúc học phần.

11.2. Phương thức đánh giá, hình thức đánh giá kết quả học tập các học phần được quy định trong ĐCCT của mỗi học phần và được đánh giá theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) làm tròn đến một chữ số thập phân

11.3. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần; riêng việc tổ chức bảo vệ và đánh giá đồ án, khóa luận được thực hiện trực tuyến với trọng số cao hơn khi đáp ứng thêm các điều kiện sau đây:

- a) Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên;
- b) Hình thức bảo vệ và đánh giá trực tuyến được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và người học;
- c) Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ các minh chứng cần thiết.

11.4. Việc tổ chức đánh giá quá trình học tập, trải nghiệm của SV, bao gồm cả các hoạt động thực hành, thực tế, làm bài tập, trình bày báo cáo như một thành phần của học phần. SV phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm của học phần thực hành là điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân.

11.5. SV vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. SV vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

11.6. Điểm thành phần: có trọng số 40% (gồm điểm chuyên cần và điểm kiểm tra giữa kỳ).

a) Điểm chuyên cần: là điểm đánh giá ý thức tham gia học tập của SV trong suốt quá trình học tập. Tùy thuộc vào đặc điểm của các học phần theo mục b, khoản 1, Điều 5 của Quy định này, các khoa, giảng viên xây dựng trọng số đánh giá điểm chuyên cần (chuyên cần và thái độ, ý thức...) phù hợp. Quy định số điểm bị trừ theo số buổi vắng mặt tùy theo số tín chỉ, số tiết học thực hành - lý thuyết cho từng học phần. SV vắng quá 30% (áp dụng HK1 NH 2025-2026) và quá 25% (áp dụng từ HK2 NH 2025-2026 trở đi) tổng số giờ của học phần (kể cả vắng có phép, kiến tập) thì không được tham gia thi kết thúc học phần. Điểm chuyên cần có trọng số 20%.

b) Điểm kiểm tra giữa kỳ: là điểm đạt được của SV khi thực hiện các bài kiểm tra theo các hình thức được thể hiện trong ĐCCTHP. SV không được dự thi học phần nếu điểm kiểm tra giữa kỳ bị điểm 0 (không) đối với học phần có 01 bài kiểm tra hoặc điểm trung bình bị điểm 0 (không) đối với học phần có nhiều bài kiểm tra. SV vắng mặt trong buổi kiểm tra giữa kỳ, sẽ được giảng viên đảm nhận học phần tự bố trí thời gian cho SV kiểm tra bổ sung và hoàn thành điểm trước khi thi kết thúc học phần ít nhất 01 tuần.

- c) Số lượng, điểm số và trọng số các cột điểm thành phần được thực hiện theo quy định trong ĐCCTHP;
- d) Điểm thành phần là điểm do giảng viên giảng dạy lớp học phần đó thực hiện trong quá trình dạy bao gồm: điểm chuyên cần, điểm đánh giá mức độ tích cực tham gia các hoạt động trong học tập, điểm KT giữa kỳ. Tùy theo đặc điểm học phần mà khoa quy định hình thức kiểm tra, thi và đánh giá điểm thành phần với trọng số cụ thể theo ĐCCTHP (không vượt quá trọng số 40%);
- đ) Trong buổi lên lớp đầu tiên, giảng viên giảng dạy học phần có nhiệm vụ phổ biến cho SV về các điều kiện thực hiện của học phần, cách đánh giá điểm thành phần và điểm thi học phần;
- e) Sau khi kết thúc giảng dạy học phần, giảng viên giảng dạy có trách nhiệm tổng hợp số lượng danh sách SV không đủ điều kiện dự thi học phần gửi cho phụ trách khoa xác nhận và gửi về phòng ĐTBĐCLGD (các học phần lý thuyết và học phần tổ chức thi chung) để quản lý và xếp danh sách phòng thi.

11.7. Điểm thi kết thúc học phần

Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Cuối mỗi học kỳ Trường tổ chức một kỳ thi duy nhất để thi kết thúc học phần. Không tổ chức thi ngoài các kỳ thi đã thông báo. Không tổ chức kỳ thi lại cho những SV đã dự thi không đạt yêu cầu hoặc SV xin hoãn thi trong học kỳ đó.

- e) Phòng ĐTBĐCLGD xây dựng kế hoạch thi kết thúc học phần, kế hoạch thi được công bố cho SV trước 3 tuần.

11.8. Điều kiện dự thi học phần

- a) SV phải tham dự tối thiểu 70% (áp dụng học kỳ 1, năm học 2025 - 2026); tối thiểu 75% (áp dụng từ học kỳ 2, năm học 2025 - 2026 trở đi) tổng số giờ theo TC của học phần đó;
- b) Hoàn thành học phí đúng hạn;
- c) Đáp ứng được các điều kiện ở Khoản 3 của Điều này;
- d) SV không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần phải đăng ký học lại học phần đó hoặc chuyển qua đăng ký học phần khác nếu học phần đó là tự chọn.
- đ) SV vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. SV vắng mặt có lý do chính đáng (ốm đau,...) phải viết đơn xin phép hoãn thi kết thúc học phần (sau đây gọi là vắng có phép) kèm theo các minh chứng cần thiết và được Trưởng khoa cấp giấy phép cho SV theo quy định và được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

12. Cách tính điểm thành phần, điểm học phần

12.1. Điểm thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

12.2. Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn đến một chữ số thập phân (theo thang điểm 10) và được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = (a x điểm chuyên cần) + (b x điểm kiểm tra giữa kỳ) + (c x điểm thi kết thúc học phần)

Trong đó: a: hệ số của điểm chuyên cần: (0,2)

b: hệ số điểm của các bài kiểm tra giữa kỳ : (0,2)

c: hệ số điểm của điểm thi kết thúc học phần: (0,6)

12.3. Đối với học phần các môn thể thao, học phần ngoại ngữ, tin học, SV phải dự thi đầy đủ các nội dung của phần thi học phần, nếu một trong các nội dung của phần thi kết thúc học phần bị điểm 0 (không) thì không được tính điểm học phần và phải thi lại nội dung đó. Điểm thi học phần là điểm trung bình cộng của điểm các nội dung thi có trọng số được ghi trong ĐCCTHP và được làm tròn đến một chữ số thập phân.

12.4. Điểm học phần được quy đổi theo thang điểm chữ và thang điểm 4 theo bảng sau:

a) Bảng quy đổi

Đạt/không đạt	Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
Đạt (Tích lũy)	8,5 - 10	A	4
	8,0 - 8,4	B+	3,5
	7,0 - 7,9	B	3
	6,5 - 6,9	C+	2,5
	5,5 - 6,4	C	2
	5,0 - 5,4	D+	1,5
	4,0 - 4,9	D	1
Không đạt	< 4	F	0

b) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

12.5. Việc xếp loại các mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà SV đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó SV được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

12.6. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 5 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp SV vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

- Vắng mặt trên 30% (áp dụng học kỳ 1, năm học 2025 - 2026); trên 25% (áp dụng từ học kỳ 2, năm học 2025 - 2026 trở đi) số giờ lên lớp trở lên của học phần;

- Không thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong ĐCCTHP (ví dụ: phần thí nghiệm trong học phần lý thuyết, phần bài tập lớn, báo cáo, tiểu luận...);

- Điểm kiểm tra giữa kỳ bằng 0 (không);

- Vi phạm khoản 3 của Điều này.

12.7. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, SV bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được Trưởng khoa và phòng ĐTBĐCLGD cho phép.

b) SV không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được Trưởng khoa chấp thuận. Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, SV nhận mức điểm I trong thời gian tối đa 02 học kỳ chính tiếp theo, SV phải làm đơn đăng ký dự thi để hoàn tất học phần còn nợ để được chuyển điểm. Nếu qua hai học kỳ chính, SV không đăng ký dự thi thì điểm I sẽ bị đổi thành điểm không (0). Trường hợp SV chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

12.8. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà phòng ĐTBĐCLGD của trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của SV từ khoa chuyển lên.

12.9. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D, F trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp SV học vượt;

b) Những học phần được công nhận kết quả, khi SV chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

c) SV đã có các quyết định xóa tên do bỏ học, nghỉ học hoặc bị buộc thôi học nếu tham gia thi lại tuyển sinh và trúng tuyển vào hệ chính quy thì phải học lại toàn bộ chương trình – không được xét miễn học phần, trừ các học phần đã được cấp các chứng chỉ riêng (Giáo dục Quốc phòng - An ninh);

13. Xử lý kết quả học tập theo tín chỉ

13.1. Xếp hạng học lực: Sau mỗi học kỳ chính, căn cứ vào điểm trung bình tích lũy (ĐTBTL), SV được xếp hạng về học lực như sau:

a) Hạng bình thường: Nếu ĐTBTL đạt từ 2,00 trở lên;

b) Hạng yếu: Nếu ĐTBTL đạt dưới 2,00 nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học;

c) Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng SV về học lực.

13.2. Cảnh báo kết quả học tập

Cuối mỗi học kỳ chính, sinh viên được cảnh báo học tập dựa trên một số điều kiện sau:

a) Tổng số TC không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng ký học trong học kỳ, hoặc tổng số TC nợ đọng từ đầu khóa học đến thời điểm xét vượt quá 24 TC.

b) Điểm trung bình học kỳ (ĐTBHK) đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;

c) ĐTBTL đạt dưới 1,20 đối với SV trình độ năm thứ nhất, dưới 1,4 đối với SV trình độ năm thứ hai, dưới 1,6 đối với SV trình độ năm thứ ba hoặc dưới 1,8 đối với SV các năm tiếp theo.

13.3. SV bị buộc thôi học trong các trường hợp sau:

- Bị kỷ luật ở mức buộc thôi học;
- Đã bị cảnh báo học vụ 02 học kỳ liên tiếp và học kỳ chính kế tiếp có ĐTBHK dưới 1,00;
- Nghỉ học tạm thời quá thời hạn cho phép
- Các điểm thành phần của tất cả học phần đã đăng ký đạt điểm 0
- Đã hết thời gian tối đa được phép học (theo Khoản 5 Điều 2)

Trường sẽ gửi thông báo về gia đình những SV bị cảnh báo học vụ, bị xử lý kỷ luật; đồng thời gửi về địa phương các trường hợp SV bị buộc thôi học chậm nhất là một tháng sau khi SV có quyết định buộc thôi học.

14.Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học

14.1. Kết quả học tập của SV được đánh giá sau từng học kỳ, từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của CTĐT mà SV đã học và có điểm. Kết quả đánh giá dựa trên điểm trung bình học kỳ và năm học quy định như sau:

- Học phần đã tích lũy là học phần có kết quả đạt trở lên (từ điểm D trở lên), các học phần không đạt sẽ không được tích lũy (điểm F). Số TC tích lũy là tổng số TC của các học phần đã tích lũy;
- Điểm trung bình học kỳ (ĐTBHK): là điểm trung bình của những học phần mà SV đã học trong một học kỳ và trọng số là số TC của học phần đó (kể cả các học phần không đạt). ĐTBHK là cơ sở để đánh giá kết quả học tập, xét học bổng, khen thưởng, cảnh báo kết quả học tập sau mỗi học kỳ, ĐTBHK được xác định bằng công thức sau:

$$A = \frac{\sum_{i=1} a_i \times n_i}{\sum_{i=1} n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình học kỳ hoặc điểm trung bình tích lũy;

a_i là điểm học phần thứ i ;

n_i là số TC của học phần thứ i ;

14.2. Điểm trung bình năm học (ĐTBNH): là điểm trung bình của các học phần mà SV đã học trong 2 học kỳ chính của năm học và trọng số là số TC của học phần đó (kể cả các học phần không đạt).

14.3. ĐTBTL: là trung bình có trọng số của điểm các học phần đã tích lũy tính đến thời điểm xét (không bao gồm các học phần không đạt). ĐTBTL là cơ sở để đánh giá kết quả học tập trong suốt thời gian học, xếp loại học tập, xếp hạng tốt nghiệp.

14.4. SV được xếp loại học lực theo học kỳ dựa vào ĐTBHK, theo năm học dựa vào ĐTBNH, hoặc xếp loại học tập năm học, xét tốt nghiệp dựa trên ĐTBTL như sau:

Bảng điểm xếp loại ĐTBHK/ĐTBTL

Xếp loại	ĐTBHK/ĐTBNH/ĐTBTL (theo thang điểm 4)
Xuất sắc	3,60 - 4,00
Giỏi	3,20 - 3,59
Khá	2,50- 3,19
Trung bình	2,00 - 2,49
Yếu	1,00 - 1,99
Kém	<1,0

14.5. ĐTBHK để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ và chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. ĐTBHK và ĐTBTL để xét thôi học, xếp hạng học lực, xếp hạng tốt nghiệp của SV và được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

14.6. SV được xếp trình độ năm học căn cứ số TC tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số TC trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

- Trình độ năm thứ nhất: $N < M$;
- Trình độ năm thứ hai: $M \leq N < 2M$;
- Trình độ năm thứ ba: $2M \leq N < 3M$;
- Trình độ năm thứ tư: $3M \leq N < 4M$;
- Trình độ năm thứ năm: $4M \leq N < 5M$.

15. Khoá luận tốt nghiệp

15.1. SV được đăng ký thực hiện khóa luận tốt nghiệp khi tích lũy từ 80 TC trở lên theo CTĐT (trừ học phần GDQP – AN) và có điểm trung bình tích lũy $\geq 2,50$ theo thang điểm 4.0. SV không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn thay thế theo CTĐT các ngành.

15.2. Hình thức, thời gian thực hiện và tổ chức đánh giá khóa luận tốt nghiệp của SV được thực hiện theo quy định riêng của Nhà trường.

15.3. Điểm của khóa luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 10 và quy về thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy định tại khoản 4, Điều 10 của Quy định này. Điểm khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học. Điểm của khóa luận tốt nghiệp được công bố ngay sau buổi bảo vệ trước Hội đồng chấm khóa luận.

15.4. SV có khóa luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại khóa luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số TC của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số TC của khóa luận tốt nghiệp.

16. Kiến tập, Thực tập cuối khoá

16.1. Kiến tập, thực tập cuối khóa là học phần bắt buộc đối với tất cả SV các ngành đào tạo, thời gian, địa điểm thực tập thực hiện theo kế hoạch thực tập của từng khóa học được Hiệu trưởng phê duyệt. Kết thúc thực tập SV nộp hồ sơ thực tập, bảng điểm thực tập và các báo cáo theo quy định công tác thực tập được Hiệu trưởng ban hành.

16.2. Điểm Kiến tập, thực tập cuối khóa chấm theo thang điểm 10, là điểm trung bình chung các nội dung đánh giá theo từng ngành đào tạo được cụ thể trong Quy định. SV có điểm kiến tập, thực tập trung bình từ 4,0 trở lên được phép tích lũy. SV có điểm $< 4,0$ hoặc SV tự ý bỏ kiến tập, thực tập thì phải kiến tập, thực tập với khóa sau hoặc tự liên hệ với cơ sở kiến tập, thực tập và tự chịu kinh phí chi trả cho cơ sở kiến tập, thực tập theo quy định

17. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

17.1. SV được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT và đạt chuẩn đầu ra của CTĐT
- b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên (2.00);
- c) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh;
- d) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- e) Có đơn gửi phòng ĐTBĐCLGD đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

17.2. Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, Trưởng (phó) phòng ĐTBĐCLGD làm Thư ký và các thành viên là các trưởng các khoa chuyên môn, Trưởng phòng Công tác HSSV.

17.3. Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những SV đủ điều kiện tốt nghiệp.

17.4. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm SV đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với Trường.

18. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

18.1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành). Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

- a) Hạng xuất sắc: điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- b) Hạng giỏi: điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- c) Hạng khá: điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- d) Hạng trung bình: điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

18.2. Hạng tốt nghiệp của những SV có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có khối lượng của các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số TC quy định cho toàn chương trình;

b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

18.3. Kết quả học tập của SV phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm còn phải ghi chuyên ngành.

18.4. SV còn nợ chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

18.5. SV không tốt nghiệp, được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của trường.

19. Nghỉ ốm, hoãn thi và nghỉ học tạm thời

19.1. SV bị ốm đau, tai nạn...trong quá trình học phải có đơn xin nghỉ học kèm theo các minh chứng, ký xác nhận của các Khoa, phòng chức năng (theo quy định). Đơn phải được gửi cho giảng viên giảng dạy học phần biết để theo dõi và quản lý.

19.2. SV được phép hoãn thi trong các trường hợp sau:

a) Có người thân (bố, mẹ, anh chị em ruột, ông, bà) mất hoặc bản thân bị ốm đau, tai nạn vào ngày thi hoặc trước ngày thi. Trong trường hợp này cần nộp đơn có xác nhận CVHT, phòng Công tác HSSV và các minh chứng cần thiết trước buổi thi cho giảng viên coi thi;

b) Trường hợp SV bị tai nạn phải nhập viện, đi cấp cứu, bị ốm vào ngày thi thì phải nộp đơn xin hoãn thi và các giấy xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền trong vòng 3 ngày sau ngày thi. Nếu được các khoa và phòng ĐTBĐCLGD chấp nhận SV sẽ được dự thi ở một đợt khác nếu có trong kế hoạch thi của Trường ở cùng học kỳ đó hoặc ở học kỳ tiếp theo.

c) SV được cử đi thi đấu hoặc tham gia các hoạt động cho Trường (bao gồm các cuộc thi thể thao, văn hóa, văn nghệ và các hoạt động khác....) được phép hoãn thi khi có quyết định của Hiệu trưởng hoặc xác nhận của các phòng chức năng, tổ chức đoàn thể trong Trường;

d) SV được phép hoãn thi phải đăng ký thi lại học phần được hoãn thi trong vòng 02 học kỳ. Sau 02 học kỳ không đăng ký thi, SV sẽ mất quyền hoãn thi và phải học lại học phần. Để được dự thi học phần hoãn thi, SV phải nộp đơn dự thi học phần được hoãn về phòng ĐTBĐCLGD chậm nhất trước lúc thi 01 tuần.

19.3. Nghỉ học tạm thời: SV có thể làm đơn xin phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập trong các trường hợp sau đây:

- a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang. Thời gian nghỉ học tạm thời để thi hành nghĩa vụ quân sự không tính vào thời gian hoàn thành khóa học của SV;
- b) Ốm đau, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị trong thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;
- c) Vì nhu cầu cá nhân (hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế, neo đơn, việc riêng,...). Trường hợp này chỉ giải quyết khi SV đã học ít nhất 01 học kỳ tại Trường và không thuộc các trường hợp bị buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật. Thời gian nghỉ học tạm thời trong trường hợp này được tính vào quỹ thời gian để hoàn thành CTĐT;
- d) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi đấu, giải đấu quốc tế.

19.4. Khi đủ điều kiện, SV sẽ nhận được quyết định cho phép nghỉ học tạm thời của Hiệu trưởng. Khi hết thời gian nghỉ học tạm thời và chậm nhất là 2 tuần trước khi học kỳ mới bắt đầu, SV phải nộp hồ sơ xin học lại. Nếu đủ điều kiện, Hiệu trưởng sẽ quyết định thu nhận SV vào học lại.

20. Chuyển ngành, chuyển nơi học, chuyển cơ sở đào tạo, chuyển hình thức học

20.1. SV được xem xét chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác, hoặc một phân hiệu khác của Trường, hoặc từ phân hiệu về trụ sở chính khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Không đang là SV trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy định này;
- b) SV đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo, của trụ sở chính (hoặc phân hiệu) trong cùng khóa tuyển sinh;
- c) Nhà trường, trụ sở chính (hoặc phân hiệu) có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT;
- d) Được sự đồng ý của thủ trưởng các đơn vị chuyên môn phụ trách chương trình, ngành đào tạo, người phụ trách phân hiệu (nơi chuyển đi và chuyển đến) và của hiệu trưởng cơ sở đào tạo.

20.2. SV được xem xét chuyển cơ sở đào tạo khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Không đang là SV trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Quy chế này;
- b) SV đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến;
- c) Nơi chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT;
- d) Được sự đồng ý của hiệu trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đi và cơ sở đào tạo xin chuyển đến.

20.3. SV được xem xét chuyển từ đào tạo theo hình thức chính quy sang hình thức vừa làm vừa học hoặc đào tạo từ xa của cơ sở đào tạo nếu còn đủ thời gian học tập theo quy định đối với hình thức chuyển đến.

ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP VÀ XẾP HẠNG BẰNG



ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP

01.

Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập

02.

Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo được Hiệu trưởng phê duyệt

03.

Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên

04.

Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học

05.

Có chứng chỉ ngoại ngữ, tin học, đăng cấp VDV theo quy định của chuẩn đầu ra của từng ngành đào tạo

06.

Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh

XẾP HẠNG BẰNG

1. Hạng tốt nghiệp của những SV có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- Có khối lượng của các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số TC quy định cho toàn chương trình;
- Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của SV phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm còn phải ghi chuyên ngành.

4. Sinh viên còn nợ chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

5. SV không tốt nghiệp, được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của trường.

Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành). Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau



01

Hạng xuất sắc: điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00

02

Hạng giỏi: điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59

03

Hạng khá: điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19

04

Hạng trung bình: điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49

CÁC CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG

1

Chương trình đối thoại Ban giám hiệu với sinh viên

Chương trình đối thoại sinh viên là chương trình được tổ chức định kỳ hàng năm của Nhà trường. Ý nghĩa của chương trình nhằm lấy ý kiến của người học đóng góp trong quá trình xây dựng, phát triển Nhà trường, đồng thời tạo kênh trao đổi giữa sinh viên và Nhà trường, giúp sinh viên có cơ hội để bày tỏ những tâm tư, nguyện vọng hay những khúc mắc trong quá trình học tập, sinh hoạt và giúp Nhà trường trao đổi thông tin và giải đáp những thắc mắc, kiến nghị của sinh viên.



2

Khảo sát sinh viên về dịch vụ giáo dục DSU

Khảo sát sự hài lòng của sinh viên về dịch vụ giáo dục DSU hàng năm là một trong các Công tác khảo sát, đánh giá chất lượng giáo dục trong trường nhằm thu thập ý kiến, xử lý, phân tích dữ liệu thu được và đưa ra các đề xuất cải tiến của Nhà trường. Mỗi năm học Nhà trường sẽ tiến hành khảo sát sự hài lòng của sinh viên về dịch vụ giáo dục DSU đối với SV.

3

Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tai nạn

- Bảo hiểm y tế (BHYT) là bảo hiểm bắt buộc đối với tất cả sinh viên đang học tập tại trường. SV tham gia BHYT theo năm học, đối với những SV đã được cấp thẻ BHYT ở địa phương hoặc đã tham gia theo hộ gia đình SV cần nộp bản photocopy thẻ BHYT về Bộ phận Y tế của Nhà trường.
- Bảo hiểm tai nạn (BHTN), Nhà trường khuyến khích SV tham gia. Bảo hiểm tai nạn là loại hình mà đối tượng bảo hiểm là sức khỏe và tính mạng con người. Bảo hiểm này sẽ bao gồm chi phí điều trị khẩn cấp, khám sức khỏe, chi phí điều trị nội trú tại viện, các chi phí khác nữa trong thời gian bảo hiểm còn giá trị sử dụng.

4 Phong trào “Sinh viên 5 tốt”

Danh hiệu "Sinh viên 5 tốt" là một danh hiệu cao quý của sinh viên Việt Nam, "Sinh viên 5 tốt" năm nay đã được đưa vào hệ thống khen thưởng cấp Quốc Gia, là danh hiệu Sinh viên có uy tín, là minh chứng cho sự nỗ lực, cố gắng trong mỗi cá nhân sinh viên để rèn luyện, hoàn thiện mình ở 05 tiêu chí “Học tập tốt – Đạo đức tốt – Tình nguyện tốt – Hội nhập tốt – Thể lực tốt”.

Danh hiệu "Sinh viên 5 tốt" cấp trường do Ban thư ký Hội sinh viên trường công nhận, tặng giấy chứng nhận, kỷ niệm chương.

Những tiêu chí để xét "Sinh viên 5 tốt" cấp trường:



5

Công tác phát triển Đảng sinh viên

* Điều kiện để Sinh viên được kết nạp vào Đảng Cộng Sản Việt Nam:

- Có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt;
- Có nguyện vọng và động cơ phấn đấu vào Đảng đúng đắn. Gương mẫu thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường; Mẫu mực có tinh thần trách nhiệm cao, có tinh thần giúp đỡ tương trợ bạn bè và mọi người.
 - Là Đoàn viên thanh niên ưu tú, tiêu biểu trong phong trào học tập, tu dưỡng, rèn luyện, công tác, có ảnh hưởng tích cực trong phong trào sinh viên; Là nhân tố tích cực được tập thể tín nhiệm.
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao: Điểm học tập từ 6.5 trở lên và điểm rèn luyện từ loại Khá trở lên. Phẩm chất đạo đức: Phẩm chất đạo đức tốt, có lối sống lành mạnh, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú.
- Có quan hệ đúng mực, hòa đồng với mọi người xung quanh và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú.
- Sinh viên sau khi được kết nạp vào Đảng CSVN sẽ trải qua thời gian dự bị là 12 tháng, để tiếp tục hoàn thiện bản thân, tiếp tục phấn đấu và phát huy vai trò của người Đảng viên là sinh viên. Sau 12 tháng dự bị nếu đạt yêu cầu sẽ được công nhận là Đảng viên chính thức.





HOẠT ĐỘNG TIÊU BIỂU CỦA DSU



DSU



